

HỒ ĐỨC THỌ

MÃU LIỄU

Sử thi



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HÀ NỘI - 2000

HỒ ĐỨC THỌ

MẪU LIỆU

SỬ DỤNG

(Sưu tầm - dịch thuật - biên soạn)

ĐC: 608

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Hà Nội - 2000

LỜI NÓI ĐẦU

Đất nước ta hình thành trên cơ sở một nền nông nghiệp lạc hậu, chịu ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt, địa hình phức tạp. Bị các thế lực ngoại bang xâm chiếm, cảnh nội chiến phân tranh đã đưa dân tộc đến chỗ bế tắc bị kìm hãm triền miên... Trước hoàn cảnh bất thuận ấy, người Việt cổ cùng các thế hệ tiếp nối đã có sự đấu tranh sinh tồn, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc, sáng tạo ra nền văn hóa văn minh riêng trong đó có tục thờ nữ thần nông nghiệp.

Việc thờ Phật ở Việt Nam cùng một số nước Đông Nam Á cũng có sự ảnh hưởng của tục thờ Mẫu bản địa, cụ thể là sự xuất hiện Phật Bà quan âm, một dung hợp màu sắc giữa Phật giáo Việt Nam với Ấn Độ, Trung Hoa, Triều Tiên. Còn Man Nương trong huyền thoại Tứ Pháp là nét riêng của dân tộc Việt với sự hài hòa của sứ đạo Thiên Trúc. Riêng tục thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh là nét độc đáo mang bản sắc của cư dân vùng lúa nước, vùng châu thổ sông Hồng, cùng các tỉnh trong cả nước có mối liên quan.

Từ trên năm thế kỷ nay, tục thờ Mẫu Liễu Hạnh song song tồn tại cùng Đạo Phật, cũng như tín ngưỡng thờ Thành Hoàng, thờ danh nhân danh tướng có công với dân với nước.

Tâm thức dân gian coi Mẫu Liễu Hạnh như một tấm gương “Nhất trinh, nhất hiếu” của phụ nữ Việt Nam.

Sinh hóa suốt ba phen trinh hiếu gương treo miền quận Bắc,

Tinh thần năm trăm lẻ anh linh bóng dọi chốn
Thành Nam.

(Câu đối lăng Mẫu tại Tiên Hương)

Tâm thức dân gian tôn vinh Mẫu Liễu Hạnh trong hàng “tứ bất tử” Việt Nam, công đức lớn lao như Phù Đổng Thiên Vương, Chử Đồng Tử Tiên ông và Tản Viên Sơn Thánh là những bậc thánh thần cao đạo, đức trọng, công lớn với nước với hậu thế từ buổi bình minh lịch sử, mãi mãi tồn tại trong đời sống tinh thần dân tộc.

Người xưa đã ghi nhận hiện tượng nữ thần Liễu Hạnh công chúa là một sự kỳ lạ, qua sách “Truyện kỳ tân phả” do nữ sỹ tài danh Đoàn Thị Điểm viết.

Nguyễn Công Trứ viết “Liễu Hạnh công chúa diễm âm” cùng nhiều tác giả viết một số bài về Thánh Mẫu Liễu Hạnh... song trong ý niệm dân gian thì lai lịch của Mẫu trên lãnh thổ Việt Nam vô cùng phong phú : Nó không bó hẹp trong thư tịch Hán Nôm, bị ký mà lan rộng trong truyền thuyết khắp các lũy tre xanh, trên lời hay ý đẹp của các câu đối, đại tự, các bài văn chầu, thơ ca cùng những hoạt động tín ngưỡng, lễ hội... nó không chỉ hiển hiện ở Phủ Dầy - Nam Định, Sông Sơn, Phố Cát, các tỉnh miền Trung, Tây Hồ Thăng Long, Lạng Sơn, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Nam mà xuất hiện khắp mọi nơi. Hình bóng Bà Chúa Liễu như cây tùng, cây bách bao trùm cho cả các vị thần linh khác, giúp các vị âm thân, dương thân dựa bóng Mẫu để âm phù cho nước cho dân, cứu chữa cho dân

gian khỏi tật bệnh, vận hạn đói nghèo do thiên tai... Dân gian tôn vinh Mẫu là mẹ của thiên hạ, sánh với Hưng Đạo Vương của thời Trần, hoặc Bát Hải vua cha là những danh thần danh tướng hơn Mẫu hàng trăm, hàng ngàn năm tuổi.

Ảnh hưởng của Mẫu Liễu, một xu hướng “hồi cổ” của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước thuộc nhiều tỉnh, nhiều vùng, đặc biệt là trên địa bàn châu thổ sông Hồng như Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nội, Hà Nam... vấn đề này không phải là ngẫu nhiên, mà là sự phát triển theo quy luật lịch sử xã hội. Mẫu Liễu Hạnh xuất hiện khi xã hội có đủ yếu tố chủ quan, khách quan của tâm thế xã hội. Nó biểu hiện truyền thống tín ngưỡng văn hóa nguyên thủy của dân tộc. Nó cũng thể hiện xu hướng bài trừ “vọng ngoại” do đó mà diện mạo tục thờ Mẫu Liễu Hạnh vừa phong phú, đa dạng vừa có ý nghĩa độc lập tự chủ. Và mặc dù dân chúng đã, đang cảm nhận sự hư hư, thực thực. Mặc dù đang có sự bán tín bán nghi, hay nói khác đi thần tượng Mẫu Liễu mờ mờ ảo ảo. Ấy vậy mà theo dấu vô hình vẫn tìm thấy hương sắc, tiềm ẩn một sử thi vĩnh cửu văn hóa Việt Nam. Nhưng vì bụi thời gian che lấp con đường đến với Mẫu, vì nhận thức của cộng đồng không đồng đều, nhân sinh quan về sự vô hình của Thánh Mẫu hoặc có, hoặc không cũng đã tác động đến đời sống tâm linh, một sự tác động thiếu khoa học khập khễnh nên người thì cuồng tín, người lại cho là nhảm nhí, vô nghĩa.

Đề tài Thánh Mẫu quả là đề tài hấp dẫn nên gần đây các nhà nghiên cứu lưu tâm muốn tìm hiểu một cách khoa học, nhưng thật khó ! Theo chúng tôi thì

Đạo Mẫu có từ tín ngưỡng dân gian nguyên thủy, với sự tiếp nhận văn hóa nhân loại, biến thành một tôn giáo bản địa, cùng các tôn giáo khác song song tồn tại nhằm đấu tranh đòi quyền sống, đòi sự công bằng, bình đẳng trong xã hội nên được dân chúng bảo tồn, đời đời bất tử.

Đối với các Đạo phương Tây mới lạ, do các giáo sỹ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp truyền bá. Những đạo Cơ đốc giáo, Tin lành có những nét đặc thù riêng, tín ngưỡng, lễ hội, luật lệ, triết lý riêng nhưng nó đã được Việt hóa và đã cùng các tín ngưỡng dân gian lưu hành trong cuộc sống.

Riêng về với Phủ Dầy, với Sông Sơn, Quảng Nạp, Lảnh Giang, Điện Hòn Chén (Huế), Tây Hồ... Mọi người đặc biệt là phụ nữ như được về với quê Mẹ. Một cảm xúc thân quen như trào lên, muốn thủ thỉ nhỏ to những chuyện buồn, chuyện vui để cầu Mẹ có sự thông cảm, gia ân cho con cháu. Lạ đấy mà thân thiết gần gũi dường ấy sao còn những điều trắc ẩn băn khoăn? Vậy thân thể của Mẫu ra sao? Huyền tích dấu ấn lịch sử thế nào? Với sự hiểu biết của mình qua các năm sưu tầm, nghiên cứu. Tôi trình bày thành ba chương sau:

- Chương I : Huyền tích Mẫu Liễu
- Chương II : Ảnh hưởng của tục Mẫu Liễu
- Chương III : + Từ nghi thức hành lễ đến lễ hội
+ Giảng bút trong nghi lễ và văn châu

Kết luận : Mong bạn đọc gần, xa góp ý và lượng thứ cho những khiếm khuyết trong tác phẩm này.

CHƯƠNG I

HUYỀN TÍCH MẪU LIỄU

1 - Đôi điều lai lịch :

Theo Văn bia, sách "Cát Thiên tam thế thực lục" cùng các câu đối, truyền thuyết dân gian ở các địa phương thì Mẫu là người có ba lần sinh hóa. Lần thứ nhất vào năm 1434, người đầu thai làm con gia đình họ Phạm ở Quảng Nạp (Vi Nhuế) huyện Ý Yên với tên là Phạm Thị Nga. Bà là người nhan sắc, nhưng khước từ chuyện nhân duyên, ở vậy suốt 40 năm để phụng dưỡng cha mẹ, giúp đỡ dân nghèo, phục hồi kinh tế sau tai nạn giặc Minh đô hộ, cùng với đời sống đói khổ do thiên tai, lụt hạn gây ra trên vùng đất Ý Yên phủ Nghĩa Hưng - Nam Định. Tiên Nga còn bỏ tiền của gia đình và công sức giúp đỡ nhân dân xây dựng đền chùa, cầu cống, đường sá để lại đức lớn cho quê hương. Sau đó tiên Nga về trời lưu lại một cốt cách người tiên thời kỳ "tiên Liễu Hạnh" thật sáng giá. Bài thơ nôm dưới đây được khắc trên gỗ treo ở phủ Quảng Nạp đủ nói lên điều đó.

Cốt cách người tiên chốn Quảng Cung
Nga - Anh Bến Vi sánh âu cùng ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Nga Hoàng : Con vua Nghiêu, vợ vua Thuấn là người con gái không chỉ xinh đẹp còn tận tụy, chung thủy với chồng, quê ở đất Vi Nhuế - Trung Quốc.

*Lòng son thấu đến ba từng biếc
Đá trắng còn in mấy giọt hồng ⁽¹⁾
Chữ hiếu sáng treo thiên vạn cổ
Đường tu xiết kể mấy mươi công.
Dấu thiêng kiếp trước nào ai biết
Phẩm giá người trong giếng cũng trong*

Giai đoạn tiền duyên của Mẫu đầy nhân hậu, rất hiếu nghĩa, tốt đẹp làm tăng sự viên mãn cho Mẫu ở sự luân hồi giống như lai lịch các bậc thánh thần, phải có kiếp trước khác đời thì khi tái sinh mới thông tuệ, lỗi lạc và mới trở thành kiệt xuất anh hùng, được hậu thế ngưỡng mộ, tôn là thần là thánh.

*“Một niềm duy hiếu duy trinh
Ba khe dấu lạ nổi danh xa gần...”*

Mẫu giáng sinh giai đoạn thứ hai ở Vân Cát, Kẻ Dày đất Thiên Bản, sau này đổi thành xã Kim Thái huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Lần này Mẫu

⁽¹⁾ Khi tiên Nga về trời có cắt đầu ngón tay và mấy giọt máu rớt xuống, in màu hồng trên đá, sau thành ba giếng nhỏ để lại dấu tích ở Quảng Nạp.

dầu thai vào gia đình họ Lê và khi ra đời được cha mẹ đặt tên là Lê Thị Thắng. Năm 18 tuổi lấy chồng là Trần Đào Lang ở Tiên Hương cùng xã. Ba năm sau Người lại qua đời. Để lại một người con trai tên là Nhâm (có tài liệu nói bà có một con trai và một con gái). Do nặng mỗi tình thương chồng thương con, thương cha mẹ nên đôi khi Người ẩn hiện xuống trần gian 'gặp lại cha mẹ, chồng con... Sự huyền hoặc trên đây đã tạo ấn tượng về sự thiêng liêng của một vị tiên nữ vương vấn bụi trần. Đây cũng là một thứ tình cảm tốt đẹp, mà người đời cho là sự thủy chung ăn đời ở kiếp hiếm có và cũng là điều huyền hoặc lạ kỳ.

Truyền thuyết, thư tịch còn nói sự việc người tiên hạ trần ở Tây Mỗ, Nga Sơn - Thanh Hóa dầu thai làm con họ Mai, đặt tên là Mai Sinh và cũng có thuyết nói người hạ trần ở Kẻ Sỏi - Nghệ Tĩnh). Việc hạ trần lấy lại chồng cũ để giữ trọn chữ trinh với chồng và sau khi sinh được một trai đặt tên là Cỗn, người tiên lại về trời...

Ba lần sinh hóa là thế đó ! Ngoài ra còn nhiều giai thoại nói về người tiên đi du ngoạn, khi ở Lạng Sơn lúc về Hồ Tây, vào Phủ Đồi, Sông Sơn... khi

giáng phúc, lúc giáng hạ... Vua Lê sắc phong Chế thắng hòa diệu đại vương, Mã Vàng công chúa. Dân gian còn cho Mẫu là Thiên Y tức Thiên Tiên Thánh Mẫu Y A NA trong tín ngưỡng của người Chăm. Lại có truyền thuyết cho Mẫu là Quan thế âm Bồ Tát...

Thực thực hư hư chuyện đời thường của Thánh Mẫu Liễu Hạnh không có sự đặc sắc như Bà Triệu, Bà Trưng, song lại hòa hợp với cuộc sống, được người đời chấp nhận tôn vinh là Mẹ. Một bà mẹ đầy đủ đức tính thương chồng thương con, hiếu thảo với bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng. Một bà mẹ Việt Nam lúc nào cũng như gần gũi đàn con để giúp đỡ, che chở, hoặc quở phạt khi sai trái để cho đàn con giữ được tính chân, thiện, mỹ của dân tộc. Tấm gương đó được người đời ca ngợi, kính cẩn lập đền, mở phủ tôn thờ. Suốt ngoài Bắc trong Nam, nơi đồng bằng, chốn núi đồi hiểm trở hỏi có nơi nào thiếu đền thờ? Ngay Điện Ngọc Hòn Chén sừng sững đối với lăng tẩm kinh đô Huế, hình bóng Mẫu cũng mãi mãi trường tồn, góp tinh hoa cho văn hóa Huế rực rỡ và triều đình nhà Nguyễn đã phong tặng "Mẫu Nghi Thiên Hạ". Một nghi thức là Mẹ của loài người, khác chi một tượng đài văn hóa dân tộc

cần được nghiên cứu để hiểu thêm về cảm quan lịch sử về văn hóa - văn minh Việt Nam.

Điều khó hiểu là những giai đoạn này bên cạnh lời hay ý đẹp của dân gian của các nhà khoa bảng, quan chức, tán tụng công đức thì có không ít truyền thuyết, thư tịch gắn sự ác độc bất thiện cho Mẫu. Thử xét vài mẫu chuyện để tham khảo.

2 - Lai lịch công chúa Liễu Hạnh qua các dị bản ⁽¹⁾

Ngày xưa trên thiên đình, con gái Ngọc Hoàng tên là Liễu Hạnh, tính tình phóng túng ngang bướng, không chịu nghe khuôn phép nhà trời. Ngọc Hoàng đẩy xuống trần gian ba năm. Liễu Hạnh bèn hóa thành cô gái đẹp, dựng quán tại chân Đèo Ngang trên đường thiên lý Bắc Nam là đoạn đường vắng, xưa có nhiều giặc cướp. Từ ngày có quán, mà chủ quán lại là cô gái đẹp nên ngày nào cũng đông khách.

Khách vào ăn uống, nghỉ ngơi rồi đi thì không sao, nhưng kẻ nào thấy chủ quán xinh đẹp gỡ

⁽¹⁾ Kho tàng truyện cổ Việt Nam tập IV nhà xuất bản KHXH 1975 và Đạo mẫu đạo và Đời - Đặng Văn Lung có đề cập.

thói cọt nhả trêu ghẹo, hoặc cây thế thân làm điều bất chính thì khi về nhà không lẫn dùng ra chết, cũng hóa thành ngậy đại, bệnh tật.

Chuyện chủ quán Đèo Ngang lan truyền khắp nơi, người cho nàng vô nghệ hơn người, kẻ bảo nàng là kẻ giang hồ quyến rũ trai tơ và làm điều không lương thiện. Cũng có người cho nàng là Tiên giáng thủ thách phàm trần... Tiếng đồn đại gần xa khiến nhiều chàng trai vô công rồi nghề, con nhà quyền thế, khá giả đã đến Đèo Ngang. Hoàng tử con vua Lê cũng muốn sai người đi bắt nàng về nhưng sợ vua cha nghiêm khắc quở trách. Song bởi tính tình hiếu sắc nên Hoàng tử đã sai quân chuẩn bị võng cáng và cải trang làm con nhà giàu vượt thành đến Đèo Nang. Khi gần đến nơi, Liễu Hạnh biết Hoàng tử là kẻ tâm thường, không bản lĩnh mà kiêu ngạo, đăm mê tửu sắc. Nàng hóa phép thành cây đào tiên mọc bên đường, để Hoàng tử ngồi nghỉ chân và trên cây có một quả chín mọng. Hoàng tử trông thấy thèm muốn, không thể ngồi yên vội trèo lên hái quả toan ăn. Lạ sao quả đào bỗng dưng mềm nhũn rồi thu nhỏ, biến mất. Thấy vậy, bọn thị vệ khuyên Hoàng tử cẩn trọng, Hoàng tử cũng chột dạ nhưng không hiểu căn nguyên, ý nghĩa răn đe của chủ quán Đèo

Ngang, nên vẫn thúc giục bọn lính cáng đi cho nhanh... Khi gặp chủ quán, Hoàng tử mê mẩn sững sờ trước vẻ đẹp của nàng, cho rằng ở kinh đô mà bọn lính cũng ngắm trước sắc đẹp kiều diễm của chủ quán. Đoàn người lân la ăn uống đến tận chiều, trời gần tối mà chẳng chịu đi, lại ngỏ lời xin nghỉ lại đêm tại quán. Chủ quán khước từ không nổi đành cho nghỉ lại.

Đêm trăng sáng, dưới ngọn đèn dầu, chủ quán vẫn kiên trì ngồi tiếp chuyện Hoàng tử. Lời nói của nàng êm dịu càng làm cho Hoàng tử đắm say, quên lời hứa tìm cách ong bướm lừa dối. Trước sự thô bạo trăng gió số sòng, chủ quán chạy vào buồng và Hoàng tử không giữ thể diện đuổi theo giờ trò xằng bậy. Chủ quán liền lên núi bắt con khỉ hóa thành cô gái để đánh lừa Hoàng tử. Trong cơn si mê không chấy chủ quán, nhưng thấy một cô gái khác trong buồng, Hoàng tử liền giờ trò xuống xã. Nhưng hấn liền rú lên vì trước mắt hấn không phải là cô gái mà là con khỉ cái lông lá đáng sợ và khi bọn lính ủa vào thì con khỉ hóa thành con rắn, trườn qua mình Hoàng tử leo lên xà nhà phun lửa phì phì, để lại cảnh hoảng sợ mê sảng của Hoàng tử và lính triều đình. Sau cơn hoảng hốt, bọn lính

vội vã đưa Hoàng tử về kinh đô, mang trong mình căn bệnh mất trí, cười nói lâm nhảm. Hoàng hậu lo lắng chạy chữa thuốc thang, vừa bưng bát hành vi sai trái của con, vừa tính chuyện cầu “Bát vị Kim cương” trừ khử “yêu quái”.

Nói về tám vị Kim cương là do Phật bà Quan âm hóa phép ra hai cái túi, một nổi ở biển Đông, một nổi ở Xứ Thanh.

Sau hai túi nở thành hai đóa hoa và mỗi đóa hoa biến thành bốn vị tướng có đủ phép huyền diệu để đi các nơi trừ yêu quái.

Triều đình sai người ra xứ Thanh xin bùa của các vị Kim cương nên dần dần Hoàng tử khỏi bệnh. Sau khi bình phục, Hoàng tử kể lại chuyện chủ quán Đèo Ngang gieo vạ và vua Lê vô cùng bức tức, một mặt truất ngôi Hoàng tử bởi tội tự tiện “vi hành” làm điều xằng bậy, một mặt sai điều tra hành vi chủ quán Đèo Ngang. Sau một thời gian, vua Lê nhận được sớ tâu về một nữ yêu quái, hiện hình làm gái đẹp bắt hồn đàn ông, nếu không có tài cao thì khó khuất phục. Triều đình điều các phù thủy cao tay đi trừ yêu, đều bị chủ quán Đèo Ngang làm cho đại bại.

Triều đình cầu cứu tám vị Kim cương và đại chiến diễn ra suốt ba ngày không phân thắng bại. Sau nhờ phép Phật bà, chủ quán bị thu vào túi và bị đưa về triều đình trị tội.

Vua Lê biết chủ quán là Liễu Hạnh công chúa, con Ngọc Hoàng xuống trần trừng trị bọn đàn ông chòng ghẹo phụ nữ, áp bức kẻ cô đơn thì đổi giận làm vui, khuyên nàng đừng gây náo động...

Ít lâu sau, Liễu Hạnh lại bị Ngọc Hoàng đày xuống trần gian, lần này người dựng lầu ở đèo Ba Dội, xây dựng tường hào, tạo vườn đủ hoa thơm cỏ lạ, có cá có chim trở thành thắng cảnh. Ai vào ngắm cảnh, ăn uống rồi đi thì không sao, còn nếu giữ thói trăng hoa, trộm cướp lập tức bị trừng trị.

Mấy năm sau Liễu Hạnh về trời để lại một con trai bàn tay thiếu ngón (lần trước sinh một con trai mỗi bàn tay có sáu ngón) và đều đem gửi nhà sư nhờ nuôi dưỡng thành tài. Như vậy là hai lần hạ trần Liễu Hạnh đều để lại cho đời nhân tài và truyền thuyết ở Nghệ Tĩnh thì Trạng Quỳnh cũng là con Người? ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Theo truyền thuyết và theo Mẩu Liễu đạo và đời - Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc - Hà Nội - 1999.

Sự tích trên đây có nhiều sự kiện không phù hợp với thư tịch, bi ký, nhưng cũng cần suy ngẫm để thấy bối cảnh và sáng thêm huyền tích.

Một số dị bản còn ghi sự việc Liễu Hạnh công chúa tính tình phóng túng, thích đàn hát thi ca. Lúc ở Lạng Sơn làm thơ ngâm vịnh cùng Trang, khi về Hồ Tây mở quán rượu đối thơ cùng Phùng Khắc Khoan và các nho sĩ họ Ngô, họ Lý.

Lại có bản ghi Liễu Hạnh cùng hai thị nữ Quế Hoa, Thị nương hạ trần ở phố Cát, dân địa phương kính sợ lập đền thờ, triều đình sắc phong "Mã vàng công chúa".

Có truyền thuyết ghi sự kiện giáng hạ cho dân, xảy ra đại chiến Sông Sơn, triều đình bó tay phải nhờ Tiên quan thánh, hiệp lực với Bát vị Kim cương đánh dẹp và nhờ Phật tổ Như Lai thu nạp quy y mới yên.

Nhiều dị bản ở Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hà Tây... cũng liên quan đến hành vi tương tự như trên và cũng xuất phát từ sự tích Liễu Hạnh.

Những thư tịch, truyền thuyết trên đây ra đời trong thời điểm nho giáo thịnh hành, lễ giáo phong kiến và quy chế tam tông, tứ đức nặng nề,

phụ nữ đương thời phải nghiêm ngặt chấp hành. Ngay việc tự tiện ra khỏi nhà, tiếp chuyện với nam giới, đi nơi này nơi khác, đàn, hát cũng không được phép. Vậy cá tính thích du ngoạn, hành vi tự do của bà chúa Liễu, chắc không phù hợp với luật lệ, trật tự phong kiến, ý thức hệ nho giáo! Do đó, liệu ngôi bút nhà nho có thêm bớt, bôi đen để cố náu những quy định đạo Nho đang lâm vào con đường suy thoái, bế tắc không?

Trước các dị bản thiếu thiện chí, nhưng dân gian vẫn trân trọng Mẫu Liễu, vậy đây có là lẽ sống, là bản ngã dân tộc, bản ngã cá nhân, nó trở thành ngôn ngữ, thể loại văn học, nói khác đi là Sử thi kết tinh từ bức xúc thời đại, biểu tượng của khát vọng tự do của phụ nữ, của dân tộc Việt Nam. Sự kiện chống lại triều đình, không sợ cường quyền cũng như hành vi trừng trị thói hư tật xấu, trừng trị bọn cậy quyền cậy thế đè nén, cướp đoạt của dân, bắt bớ chòng gheo phụ nữ mà Liễu Hạnh công chúa đã làm giữa thời loạn, nhà Mạc chiếm ngôi nhà Lê, Trịnh Nguyễn phân tranh, loạn lạc khắp nơi khiến cho nhân dân điêu đứng, liệu có phù hợp với lòng dân, có là hình tượng anh hùng mà đương thời cần có, để làm cho quốc thái dân an. Vậy đây có do thời cuộc mà tạo ra sự

phát triển văn hóa để kể chuyện, tán dương về các lãnh tụ nông dân, các anh hùng nông dân và bỗng dưng nảy sinh loại hình sử thi xung quanh đề tài Mẫu Liễu không? Và nếu Mẫu Liễu không có đủ đức nghĩa, đức nhân thì sao trở thành tứ bất tử, sao được lịch đại dân gian kính cẩn tôn thờ? Xin nhìn lại ảnh hưởng của Mẫu trên toàn cõi đất nước ta.

CHƯƠNG II

ẢNH HƯỞNG CỦA TỤC THỜ MẪU LIỄU

* Thơ - Câu đối - Bi ký :

Đất nước ta nói chung và vùng đồng bằng sông Hồng, là nơi có nền văn học phát triển nhưng cũng là nơi nặng nề tập tục, luật lệ, khuôn mẫu phong kiến. Nặng nề quan điểm trọng nam khinh nữ, ức chế nhân dân, đặc biệt là phụ nữ, gây bao suy tư buồn bực, thậm chí còn uất ức nghẹn ngào.

Trong sự thực thì luật tục nơi này, nơi khác phải gánh chịu những bất công mà giai cấp thống trị áp đặt, khiến người phụ nữ phải đau lòng. Nam thì "năm thê bảy thiếp" còn nữ chỉ có một chồng, chồng chết phải ở vậy thờ chồng nuôi con. Không may cô gái nào chưa chồng mà mang thai sẽ bị làng bắt vạ, phải gọt đầu bôi vôi đuổi ra khỏi làng, có nơi phải trôi trên bè chuối trôi sông... phụ nữ phải chấp nhận khuôn phép: "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử" (tại nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con).

Có những phụ nữ 18 - 20 không may chồng chết vẫn cam số phận. Ai giữ theo luật sẽ được ban bốn

chữ “Tiết hạnh khả phong” để thời gian còn lại của cuộc đời chịu thiệt thòi, cố quạnh. Trong họ, ngoài làng, ngoài xã hội phụ nữ bị khinh rẻ, phải quanh quẩn xó bếp, trong nhà mình mà không được ngồi gian giữa, hoặc không được ra đình làng, không được tham gia việc xã hội.

Từ đặc điểm địa bàn, trong khi chưa làm chủ được thiên nhiên, chưa đứng vững trong đời sống, nên yêu cầu đặt ra mong sự che chở, cứu vớt, đó là sự tất nhiên ! Do đó, việc gửi gắm tâm linh vào các đáng thần linh, vào Trời, Phật, đặc biệt, sự ngưỡng mộ của nhân dân, nhất là phụ nữ đối với Thánh Mẫu Liễu Hạnh, thiết nghĩ đó cũng không ngoài phạm trù quy luật.

Việc nghiên cứu Đạo Mẫu tuy đã có các văn nhân, văn sĩ như Đoàn Thị Điểm đầu thế kỷ 18 với cuốn “Truyền kỳ tân phả”, tác phẩm “Liễu Hạnh công chúa diễn âm” của Nguyễn Công Trứ, tài liệu của tiến sỹ Nguyễn Văn Huyền, tập “Nữ thần Vân Cát” của giáo sư Vũ Ngọc Khánh và một số bài nghiên cứu, một số thần phả, gia phả, bi ký và thư tịch Hán Nôm ở các di tích... Nhưng nhìn chung, vấn đề này mới được xới xáo trong hoàn cảnh tư duy xã hội đang bị hạn chế, sự hiểu biết của nhân dân về văn học dân gian đang có mức độ, hoặc chưa mạnh dạn chuyên tâm nghiên cứu.

Nghiên cứu Đạo Mẫu, là nghiên cứu đạo mẹ của Việt Nam, nghiên cứu văn hóa Việt Nam. Từ đây mà sáng thêm các yếu tố nội sinh, ngoại sinh từ bốn phương trời Đông Nam Á, Tây Âu. Từ đó để hiểu văn hóa ngoại đã du nhập, đã được nhân dân Việt sàng lọc, chấp nhận hay trân trọng, hoặc từng bước, từng lúc gạt bỏ, loại trừ. Nghiên cứu Đạo Mẫu để nhuần nhuyễn, tự hào về nền văn học dân gian phong phú của dân tộc, để thấy hết giá trị Folklor của nền văn hóa Việt Nam, văn hóa hạ lưu sông Hồng, văn hóa đồng bằng Bắc bộ.

Việc thiết lập các công trình Phật tự, thần từ, phủ thờ, điện thờ, nhà thờ thiên chúa, từ đường... để tỏ lòng tôn kính, thể hiện truyền thống giữ gìn cội nguồn, cầu thiện. Tất nhiên còn có cả khía cạnh dùng thần quyền để bảo vệ pháp quyền, nói cách khác là để mị dân, mà các triều đại phong kiến từng dùng để dễ bề sai khiến, để áp bức, bóc lột nhân dân. Buộc dân tuân thủ chế độ, chức sắc trong làng, hàng tổng, hàng huyện, cũng như bộ máy cai trị cấp trên, tỉnh và triều đình.

Gạt bỏ ý tiêu cực, tinh thần cốt lõi của dân tộc ta trong việc thiết lập công trình tôn giáo là để nhớ

ơn, phát huy truyền thống tốt đẹp của các thế hệ đi trước : thờ các nhân vật có công với nước, có công lao giúp dân khai sáng quê hương, bảo vệ dân, dạy chữ, dạy nghề để duy trì cuộc sống, giúp dân được bình yên trên núi rừng, sông, biển. Giúp cho sự mưa thuận gió hòa, trừ côn trùng cho mùa màng tươi tốt, gia súc gia cầm phát triển...

Ngoài việc thờ thần nước, thần làng, thần tổ dòng họ, cá biệt còn thờ thần ngoại lai, có hành tung độc ác để cho cuộc sống bình an, tránh việc quấy nhiễu, gieo tai vạ cho dân.

Trên lưu vực đồng bằng sông Hồng, đạo Phật được sùng bái, duy trì hàng nghìn năm nay, làng nào cũng có chùa thờ Phật, mặc dù nguồn gốc đạo phật từ Ấn Độ truyền sang, nhưng lòng từ bi, bác ái, bình đẳng của Đạo, đã hòa nhập với ý nguyện đông đảo quần chúng, nên đã được Việt Nam hóa.

Đạo Khổng, đạo Lão cũng đã tràn vào nước ta và vùng đồng bằng sông Hồng, nhưng do giáo lý ngặt nghèo, do sự hoang đường... nên dần dần bị suy thoái, còn lại rất ít công trình.

Một số nhân vật được nhân dân tôn thờ bảo vệ di tích trong mọi hoàn cảnh, coi đáng thần linh đó như yếu tố không thể thiếu trong linh vực tinh thần,

đó là Không lộ thiên sư Nguyễn Chí Thành, một quốc sư thời Lý, vừa là danh y, nhà thơ, người có công trong việc đúc đồng cho dân tộc. Lễ hội về ông được nhân dân coi trọng :

“... Dù ai buôn bán trăm bề,

Mười rằm, tháng chín phải về hội ông”

Các di tích thờ ông ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa... đều khá to, có sự gia công kiến trúc nghệ thuật đáng kể, như chùa Nghĩa Xá, Keo trên, Keo dưới, đền Thánh Nguyễn...

Nếu Nguyễn Minh Không được coi như là người ông, thì Trần Hưng Đạo, một tiết chế quốc công, lập nhiều kỳ tích trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thế kỷ 13, được nhân dân coi như là người cha. Trần Hưng Đạo còn chém được Nguyễn Bá Linh, một kẻ thù có yêu thuật, thường quấy đảo nhân dân, nên ngoài việc ngưỡng mộ, nhân dân còn cầu mong ở ông sự giúp đỡ : bắt tà, trừ ma, giải quyết bế tắc trong cuộc sống đời thường.

Ngày lễ hội kỷ niệm ông mất, được coi như ngày giỗ Cha, đông đảo nhân dân chờ dịp “Tháng tám giỗ Cha” để hàng vạn, hàng vạn người trên địa bàn lưu vực sông Hồng và mọi miền đất nước nô nức kéo về Túc Mạc, Bảo Lộc (ngoại thành Nam

Định), về Kiếp Bạc (Hải Dương) để ôn lại công ơn to lớn của ông, đối với dân tộc và cầu may, cầu phúc, cầu cho mọi sự bình an “bách bệnh tiêu tán”...

Ngoài ý nghĩa tích cực của ngày kỷ niệm Trần Hưng Đạo, phần nghi lễ cũng có các hình thức đồng bóng, bắt tà, trừ ma thiếu biện chứng khoa học. Nhưng về mặt tâm linh, thì các khổ chủ lại tha thiết yêu cầu này đặt ra ! Và nếu có sự ngăn cấm, thì họ hoặc tìm cách thực hiện vụng trộm, hoặc ngậm ngùi âm ức.

Đặc biệt, đối với Mẫu Liễu Hạnh, một nhân vật mang tính huyền thoại, giáng sinh vào thế kỷ XV, so sánh với Trần Hưng Đạo thì cách nhau hơn 200 năm, ấy thế mà nhân dân miền đồng bằng sông Hồng và nhiều nơi trong cả nước lại ví như mẹ “Mẫu Nghi thiên hạ” (mẹ của thiên hạ), và việc thiết lập đền, phủ, điện thờ Mẫu có mật độ cao, nhiều hơn cả chùa, càng nhiều hơn đền thờ Trần Hưng Đạo ! Vậy Mẫu Liễu là ai ? Vấn đề này, xin được viện dẫn đôi nét về lai lịch và tâm linh, trên các di tích tiêu biểu.

Một tín ngưỡng, khi có một ảnh hưởng lớn, mang tính phổ biến trong nhân dân, nó trở thành một yêu cầu tinh thần không thể thiếu trong nhân dân, nó sẽ trở thành một đạo ! Đạo Mẫu là Đạo của

Việt Nam, tín đồ không chỉ là các lão bà như Đạo Phật. Không chỉ là các người Nho học, có chức sắc như Đạo Khổng. Một số tín đồ và các thầy phù thủy như Đạo Lão... mà Đạo Mẫu đã cuốn hút đông đảo phụ nữ từ khi biết làm mẹ đến lúc tuổi già, nó đã là nhu cầu trong đời sống tinh thần khi con người va vấp, bế tắc. Đạo Mẫu có lịch sử ra sao ? Vấn đề này từ xưa đến nay việc nghiên cứu chưa nhiều, cũng là điều chưa được xã hội cân nhắc, đánh giá hoặc đánh giá lệch lạc, thiếu suy xét, thiếu biện chứng luận.

Nói đến Đạo Mẫu, là nói đến Liễu Hạnh công chúa, Người là trung tâm của các Mẫu, Người được sử sách liệt hạng là một trong “Tứ bất tử” của Việt Nam, sánh vai với Phù Đổng - một biểu tượng hào hùng về sức mạnh đánh giặc cứu nước. Sánh vai với Tản Viên Sơn Thánh - biểu tượng của sức mạnh trị thủy cứu dân. Bà còn sánh vai với Chủ Động Tử và Tiên Dung công chúa là lớp người từ trên 2000 năm trước, đã phá bức tường ngăn cách đẳng cấp, đã chiến thắng sự bất công mất bình đẳng trong xã hội để giành giật hạnh phúc.

Liễu Hạnh công chúa là người hậu thời, vừa là phụ nữ đứng trong hàng “Tứ bất tử”. Phải chăng là điều độc đáo, điều chứng minh tính kế thừa, tính lôgic - lịch sử của dân tộc. Khiến chúng ta cần

đi sâu nghiên cứu. Nghiên cứu với thái độ khoa học, nghiên cứu phải nghiêm túc, có trân trọng nhưng cũng có sự phê phán.

Nói đến chúa Liễu là nói tới Phủ Dầy. Theo huyền thoại thì đây là nơi giáng sinh, lại xây dựng hạnh phúc cùng Trần Đào Lang, sinh được một con trai rồi bà lại phải về Trời (theo Vân Cát thần nữ Vũ Ngọc Khánh thì bà sinh một trai một gái). Trong cảnh chia ly đây lưu luyến, tiếc thương, ân hận... nhân dân Kim Thái, dòng họ Lê, dòng họ Trần đồng cảm lập phủ, lập đền thờ Bà theo bản chất tốt đẹp.

Trước kia đền phủ đang còn ở mức độ nhỏ bé, đến niên hiệu Gia Long ngũ niên (1806) có sự phân chia Vân Cát - Tiên Hương làm hai thôn nên việc xây dựng đền, phủ được nâng lên. Năm 1900 (Thành Thái thứ 12), 1914 (Duy Tân thứ 8) các Tổng đốc Nam Định như Cao Xuân Dục, Đoàn Triển đã cùng nhân dân địa phương và thập phương xây dựng to, đẹp hơn để trả ơn chúa Liễu. Năm 1938 vua Bảo Đại đã lệnh cho "Hội Xuân Kinh" trong triều đình Huế tu sửa, tôn tạo hai cửa phủ và xây dựng lăng đá của Mẫu Liễu Hạnh tạo thành các công trình có giá trị cao về kiến trúc và chạm khắc nghệ thuật. Năm 1975 di tích Phủ Dầy trong

đó có Phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát và khu lăng đá đã được Nhà nước nâng cấp, để việc bảo vệ được đầy đủ hơn, tốt hơn, lưu lại cho đời những di sản văn hóa là tinh, hoa của quê hương dân tộc.

Những năm gần đây chính quyền, thủ nhang đã cố gắng huy động vốn trên tinh thần tự nguyện, kịp thời tu sửa tôn tạo khiến khu di tích ngày càng khang trang đẹp đẽ, du khách thập phương hẳn có phần hài lòng và ngày ngày đến với Phủ Dầy đông vui hơn.

Trước đây lễ hội Thánh Mẫu được tổ chức từ ngày 3 đến ngày 10 tháng 3, nhân dân các tỉnh vùng hạ lưu sông Hồng, nhân dân Hà Nội, Hải Phòng và nhiều tỉnh trong cả nước đều nô nức kéo về Phủ Dầy lễ Mẫu. Họ quan niệm đây là ngày giỗ Mẹ, có phận sự phải về, nhất là những người làm ăn khá giả càng coi trọng việc này, coi như việc lễ Mẫu để tạ ơn.

Có thể nói Hội Phủ Dầy là hội lớn, lượng người đi hội đông tới 4, 5 vạn người trong ngày. Mọi người về đây xem kéo chũ "Mẫu Nghi Thiên Hạ" để tỏ lòng cảm ơn Mẫu, xem kéo chũ "Thiên hạ thái bình" biểu thị cho ý nguyện, mong Mẫu ban phúc. Về Hội với tâm niệm cầu tài, cầu lộc, cầu phúc, cầu cả thăng quan tiến chức...

Nhân dân, nhất là phụ nữ coi công chúa Liễu Hạnh như Tiên, như Thần, như Phật :

"Không không sắc sắc tiên, thần, phật

Hóa hóa sinh sinh nhất, nhị, tam"

Ba lần giáng sinh nhưng lần đầu có thể nói là tiên thân của Mẫu ở Vĩ Nhuế, lần sau ở Sông Sơn hoặc Kẻ Sỏi Thanh - Nghệ là hậu thời không có sự đậm đà cốt truyện, sự hiển hách anh linh cũng như sự sùng bái tín ngưỡng bằng giai đoạn thứ hai ở Phủ Dầy. Điều đặc biệt độc nhất vô nhị là huyền tích của bà chúa Liễu đã đi sâu vào lòng người. Từ Nam chí Bắc đều có đền thờ, phủ thờ, điện thờ. Một số lượng lớn công trình tín ngưỡng khó có đạo nào bì kịp. Chúa Liễu một nhân vật có thật, nhưng lại rất mờ ảo, Thánh Mẫu có vị trí trung tâm trong Tam phủ (Thiên phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ) là những phủ Mẫu của Trời, non nước, thiên nhiên sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới vạn vật trên thế gian.

Qua khảo sát cổ thư, bi ký, truyền thuyết ở Phủ Dầy cũng như các nơi trong cả nước, đến nay chúng ta vẫn thừa nhận nữ sỹ Hồng Hà Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748) viết "Truyện kỳ Tân phả" đã lưu lại cho đời một dung lượng đáng kể về hình tượng một bà mẹ khác thường đó là đức Thánh Mẫu Phủ Dầy, còn gọi Mẫu Vân Hương, Mẫu Liễu Hạnh.

Tuy ở dạng truyền kỳ, không phải lịch sử, cũng không hẳn là dã sử viết về những điều kỳ dị khó tin, chỉ có thể mừng tượng, mừng tượng mà cảm nhận sùng kính. Nhưng bút pháp của Bà, bút pháp của các thế hệ sau Bà từ việc viết lời lẽ trên bia năm Tân Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng thứ hai (1714) của tri huyện Đại An Nguyễn Đình Việp đến các tác giả, các nhà nghiên cứu tiếp nối xưa và nay đã linh cảm mà viết, mà khắc trên đá, trên giấy, trên gỗ và cả bằng lời nói đã làm sống lại một thời xa vời, huyền ảo mà như gần gũi hiển hiện, triu tượng mà như phù hợp với lòng người, với bản chất cộng đồng và đặc biệt là phụ nữ, lớp người phải ném đủ mùi thiệt thòi cay đắng, phải cam chịu thân phận mà chính lớp trí thức phong kiến định ra luật làng, phép nước bắt buộc phụ nữ tuân thủ.

Việc được dân tôn kính thờ phụng, các triều đại ban cấp sắc phong đối với Mẫu Phủ Dầy phải nói là rất rộng. Người Việt trong nước, người Việt đi làm ăn nước ngoài, nhiều người để tâm đến tín ngưỡng Đạo Mẫu. Nhiều người sùng ngưỡng có sự chính tín, có sự rà xét việc thờ thần và cũng nhìn lại quá trình sàng lọc, bài trừ văn hóa nô dịch, tà thần nhằm nhí để tuyển các đáng thần minh biểu tượng tinh hoa của dân tộc, của chính đạo nước mình. Qua đây cũng thấy mọi người không dễ dãi trong sự tôn thờ. Nếu không có công lao với nước, không có

nhân đức, không vì cuộc sống, thiêng liêng cứu độ chúng sinh thì để gì tồn tại ?

Đất Thiên Bản có lục kỳ (6 sự lạ) nhưng chỉ có đệ nhất kỳ : Mẫu Phủ Dầy có ảnh hưởng rộng lớn hơn cả. Nhiều đền đài miếu mạo, bi ký, thơ văn tán dương cũng như lễ hội đông vui ngày càng đứng vững hơn cả. Xin được trích dẫn những thư tịch cổ, bi ký ghi lại tâm thức dân gian, ý niệm của những người có học vấn, những quan chức từ nhiều đời nhiều nơi viết về Thánh Mẫu. Qua văn tự, ngôn ngữ chắc mọi người suy tưởng đến sự ảnh hưởng của Đạo Mẫu Việt Nam, một tín ngưỡng trải qua nhiều sóng gió để trường tồn như thế nào ? mong góp phần mở lớp sương bao phủ, quét phân nào lớp bụi bặm thời gian trên con đường tín ngưỡng Đạo Mẫu.

Về Phủ Dầy nơi cội quán của người Tiên với hàng chục nơi thờ tự như Phủ Tiên Hương, Phủ Vân Cát, khu lăng mộ, Đền Bồng, Đền Giếng, Đền Công Đồng, Đền Thượng, Đền Thánh Khổng, chùa và từ đường các dòng họ mới thấy sự đa dạng và phức hợp của các sinh hoạt tâm linh, thiết nghĩ nên có sự uốn nắn để được phù hợp hơn. Nhưng qua đây không thể phủ nhận ý thức của nhân dân địa phương cũng như đồng bào khắp mọi miền đất nước đối với Mẫu Liễu Hạnh, người mẹ hiền hòa nhân từ bằng xương, bằng thịt. Ấy vậy mà con đường

đến với Mẫu còn phải nhiều công sức, phải nghiên cứu khoa học hơn mới đạt hiệu quả. Xin giới thiệu một số thư tịch, bi ký chứng minh tình cảm của nhân dân địa phương, của thập phương, lớp người khoa bảng, quan chức đã dành cho Mẫu.

Trước tiên xin đề cập một khối lượng cổ thư bao gồm câu đối, đại tự, hoành phi, văn bia ghi lại ý niệm, công đức của cộng đồng đối với quần thể di tích Phủ Dầy⁽¹⁾ là nơi sinh ra, lớn lên, trưởng thành và hiển linh kỳ lạ.

Vân Hương Thánh Mẫu một trong sáu sự lạ ở trong đất Thiên Bản⁽²⁾. Thần ở đây ba độ hóa sinh

⁽¹⁾ Vốn chữ ở bia viết chữ Dầy nghĩa là dày đặc, dày dặn ngược với chữ mỏng.

⁽²⁾ Sáu sự lạ tức Thiên Bản lục kỳ. Theo đốc học Hà Nội Khiếu Năng Tĩnh :

- Liễu Hạnh công chúa ở An Thái từ năm Đinh Tỵ (1557) đến năm Đinh Sửu (1577) họ Lê tên Thắng.

- Ngô Thị tên tự là Ngọc Đài ở Bảo Ngũ, vợ Trịnh Tráng (1623 - 1657).

- Đền Tam Danh : Ba anh em Sùng, Sở, Sát ở Bảo Ngũ.

- Đền thờ Lã Gia ở Vân Côi. Ông là tướng thời Triệu có công đánh Hán (năm 111 trước Công nguyên).

- Cường bạo Đại vương ở Bối Tuyền. Ông hiển thánh để lại vết chân bên mộ.

- Diên Quận Công là em Ngô Thái Phi đền ở Bảo Ngũ niên hiệu Vĩnh Khánh (1729 - 1732) ông đốc thúc việc đắp đê Kim Tông (Ngọc Chấn, Yên Trị, Ý Yên) chống nhau với Đặng Dung là thủy thần bị chết hiển thánh ở quê xin chị báo thù.

các triều phong tặng là em của Trời, là các mẹ, là thánh thân, là Tiên, là Phật thiêng liêng để dấu, sách vở ghi truyền.

Hàng năm cứ đến mùa xuân tháng giêng hàng hóa tốt đẹp các nơi tụ hội như chợ Trời. Tháng 3 có lễ múa gậy hoa bày chữ như hội Quần Tiên. Bấy giờ quan lại, trí thức, học trò, trai gái... bốn phương kéo về chiêm ngưỡng vẻ đẹp Phủ Dầy có tới ức vạn người.

PHỦ TIÊN HƯƠNG THƯ TỊCH BI KÝ

Câu đối ở ngoài lan can đá nguyệt hồ :

Kính hồ đảo ảnh phù nham nguyệt

Ngọc thụ nghinh phong hưởng bội hoàn

*Khải Định tam niên xuân, Bắc Ninh Đại Toán
Trần Văn Ngân bài đề.*

(Hồ gương soi bóng trăng đêm nổi

Cây ngọc gió đưa vòng bội reo

*Mùa xuân niên hiệu Khải Định năm thứ 3 (1818)
quê ở Đại Toán Bắc Ninh, tên là Trần Văn Ngân
lạ viết).*

Câu đối khắc gỗ sơn son thiếp vàng :

*Tam thế luân hồi, vu Vi Nhuế, vu Vân Cát, vu
Nga Sơn ngũ bách dư niên quang thực lục.*

*Lịch triều ba cổn, vi đế nữ, vi đại vương, vi chúng
Mẫu, ức niên vạn cổ điện danh bang.*

Long phi Quý Sửu thu

Thanh Hóa tỉnh đốc học Lê Hy Vĩnh phụng soạn.

*(Ba đời thay đổi, ở Vi Nhuế, ở Vân Cát, ở
Nga Sơn đến nay đã hơn 500 năm, sự tích
sáng ngời trong thực lục.*

*Các triều phong tặng là con vua, là đại vương, là
các mẹ dù cho tới muôn vạn năm sau tiếng tăm
vang động khắp nhân gian.*

Rồng bay mùa thu năm Quý Sửu.

*Đốc học tỉnh Thanh Hóa tên là Lê Hy Vĩnh kính
cẩn viết)*

Câu đối ở gian bên, sơn son thiếp vàng trên gỗ :

Giáng sinh tích tại Vân Hương quỳnh

Bất tử danh tiêu Thái lĩnh cao

Long phi Kỷ Tị niên

*Phủ Lương huyện tri huyện Vũ Đình Hoán
bái tiến.*

*(Giáng sinh dấu vết làng Vân đã xa rồi vậy
Bất tử tên nêu núi Thái, cao vút còn đây.*

Rồng bay năm Kỷ Tị

*Quan tri huyện huyện Phú Lương tên là Vũ
Đình Hoán lạy dâng).*

Đại tự cung đệ tứ :

Thiên bản nhất kỳ

Duy Tân Quý Sửu trọng thu

Vụ Bản huyện chánh phó tổng đồng bái

(Một sự lạ ở đất Thiên Bản

Giữa mùa thu năm Quý Sửu niên hiệu Duy Tân

*Các vị Chánh phó tổng trong huyện Vụ Bản cùng
lạy dâng lên).*

Đại tự :

Thần giới kỳ tung

Bảo Đại Đình Sửu đông

Hàn lâm viện Thị đọc, Vụ Bản tri huyện

Phạm Trọng Thiên bái

*(Dấu lạ trong giới của các vị thần, mùa đông
năm Đinh Sửu (1937) niên hiệu Bảo Đại. Chúc*

*Hàn lâm viện Thị đọc, tri huyện huyện Vụ Bản là
Phạm Trọng Thiên kính dâng lên).*

Đại tự :

Tiên hương vạn thế

Duy Tân Quý Sửu trọng thu

Bản tộc bản xã đồng bái tiên

(Muôn đời của chốn quê Tiên

*Giữa mùa thu năm Quý Sửu (1913) niên hiệu
Duy Tân.*

Trong họ và trong xã cùng lạy dâng lên).

Câu đối ở Tiên đường (cung Đệ Tứ) :

*Thánh Đức diệu linh thông, phương tín cổ kim
Bồng đảo tích,*

*Mẫu nghi quyền vạn hóa, trường lưu thiên địa
tuyệt băng văn.*

Bảo đại Nhâm Tý xuân.

*Hưng Yên tỉnh Mỹ Hào phủ Văn Lâm huyện
Nghĩa Trai tổng Nhạc Lộc xã Cao Thị gái bái tiến.*

*(Đức thánh huyền diệu thiêng liêng, mới tin có
xưa nay nơi Bồng Đảo*